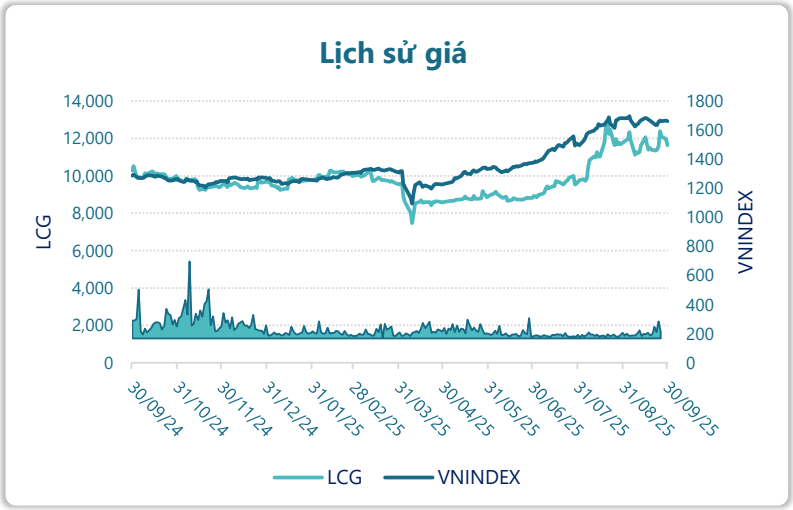
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,467
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,422,140
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,404
P/E	18.7
EPS	664

DT thuần

Q3/25

566

tỷ VNĐ

QoQ: ▼166| -22.7%

YoY: ▼88.0| -13.5%

LN sau thuế

Q3/25

40.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70| 31.7%

YoY: ▲ 3.60| 9.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.7%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

9T 2025

1,726

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 1.0%

LN sau thuế

9T 2025

90.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.70| -4.0%

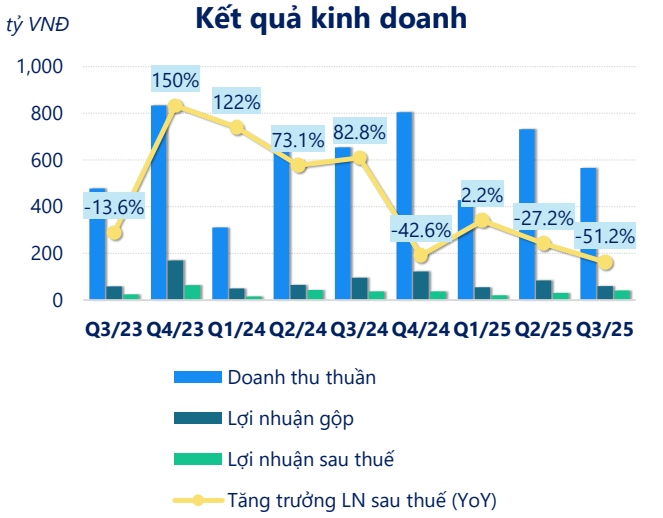
ROE

Q3/25

4.9%

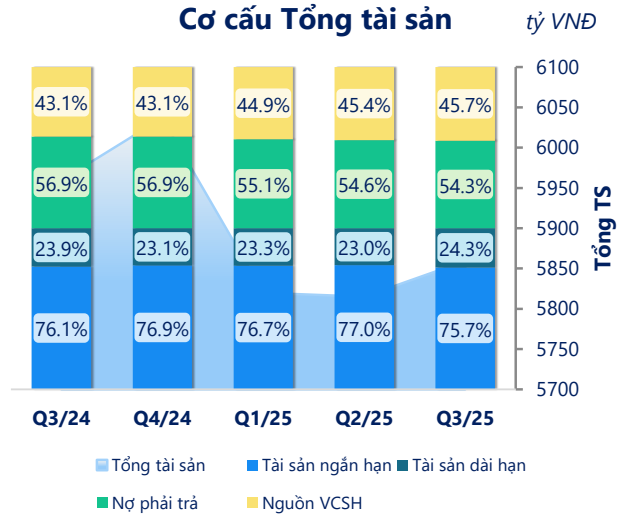
+/- YoY: ▼ 1.4%

Kết quả kinh doanh



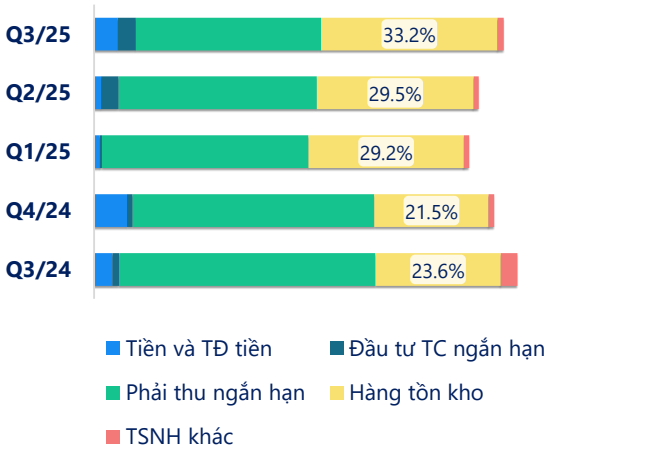
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



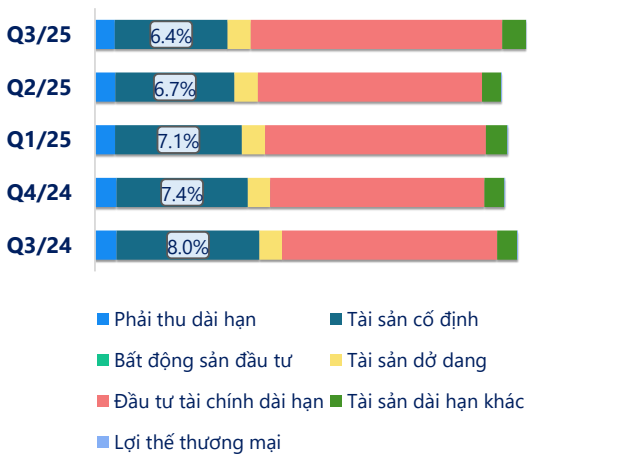
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



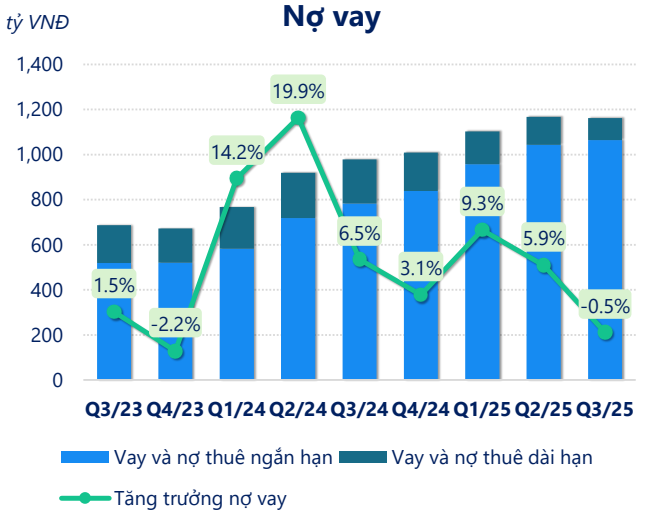
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



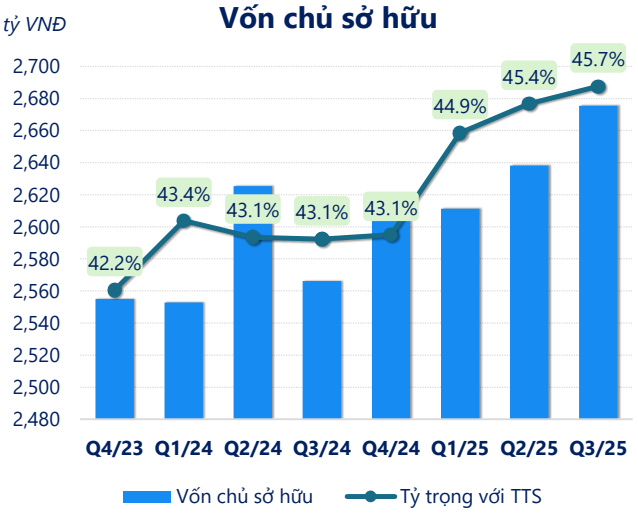
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



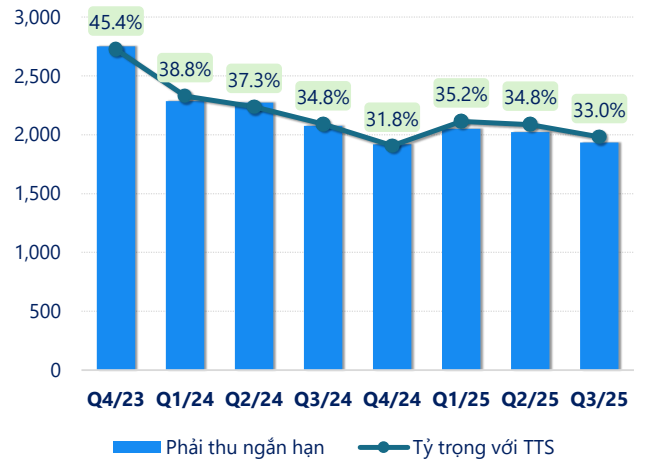
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



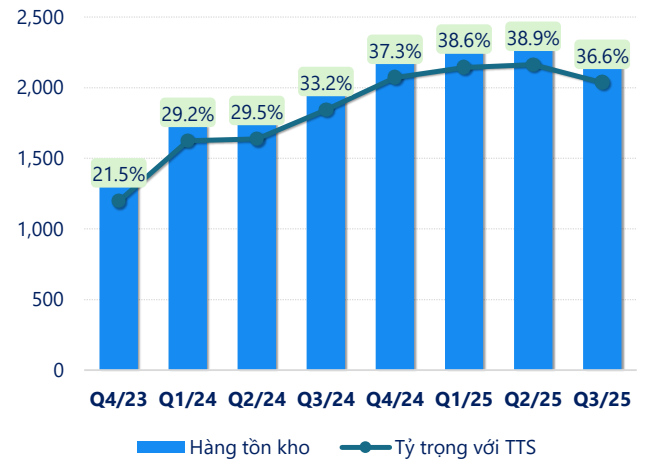
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



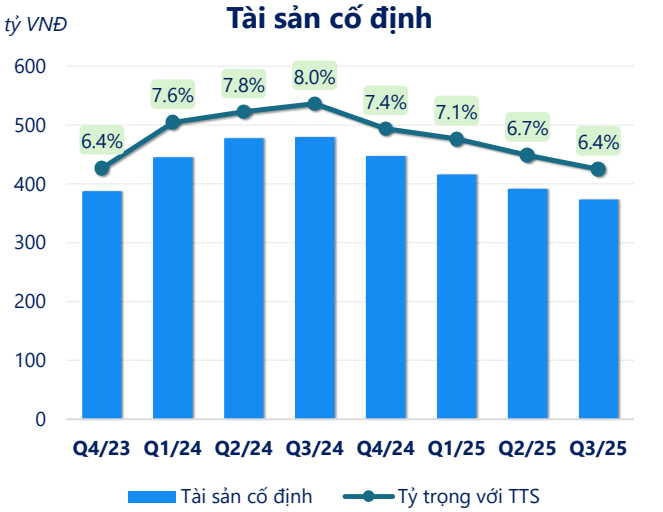
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



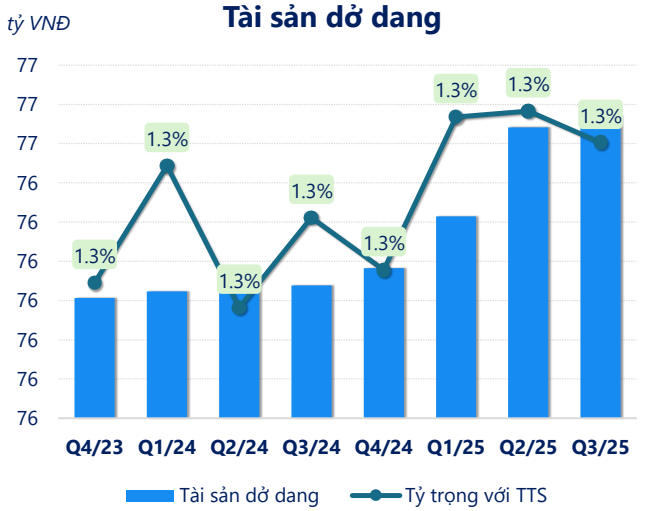
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



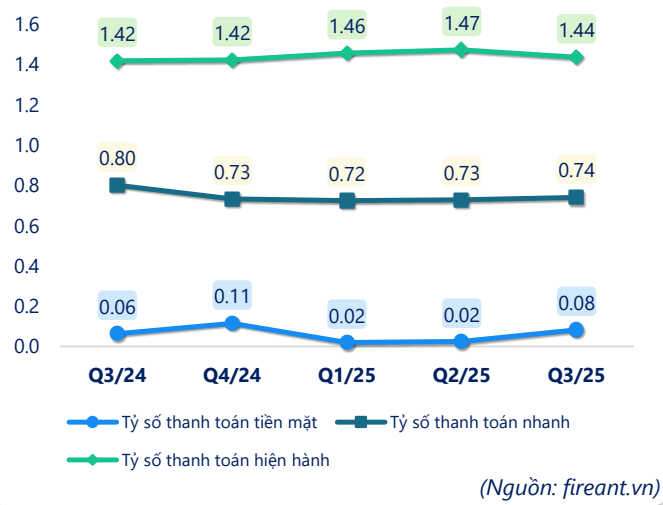
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



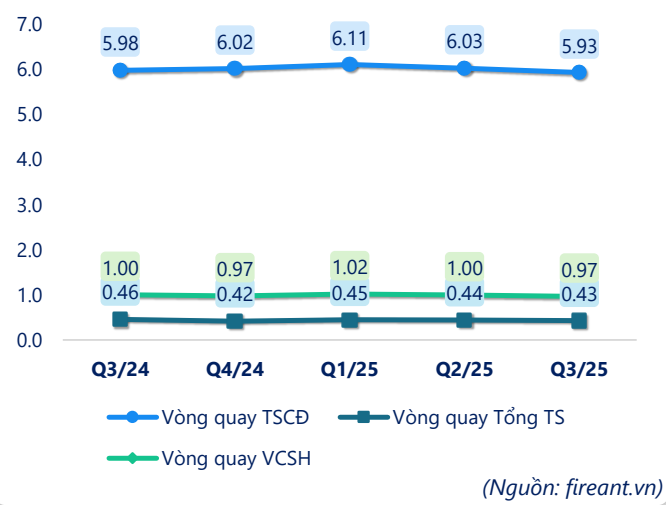
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**5,959**	**6,037**	**5,820**	**5,815**	**5,859**
Tài sản ngắn hạn	**4,537**	**4,640**	**4,463**	**4,480**	**4,433**
Tiền và tương đương tiền	204	374	60.5	74.8	256
Đầu tư tài chính ngắn hạn	208	17.2	20.8	11.0	0.96
Phải thu ngắn hạn	2,076	1,919	2,051	2,023	1,935
Hàng tồn kho	1,977	2,250	2,245	2,264	2,146
Tài sản ngắn hạn khác	71.6	79.0	86.1	108	94.0
Tài sản dài hạn	**1,423**	**1,397**	**1,357**	**1,335**	**1,427**
Phải thu dài hạn	73.1	73.1	66.2	66.7	65.5
Tài sản cố định	479	447	416	391	373
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.4	76.4	76.5	76.5	76.5
Đầu tư tài chính dài hạn	723	730	725	735	831
Tài sản dài hạn khác	67.5	67.5	70.3	63.1	78.4
Lợi thế thương mại	3.12	2.77	2.41	2.06	1.71
Nợ phải trả	**3,393**	**3,433**	**3,208**	**3,177**	**3,184**
Nợ ngắn hạn	**3,195**	**3,259**	**3,061**	**3,040**	**3,084**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	783	838	957	1,043	1,065
Phải trả người bán ngắn hạn	695	742	659	677	635
Nợ dài hạn	198	173	148	137	99.6
Vay và nợ thuê dài hạn	196	171	146	125	97.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,566**	**2,604**	**2,611**	**2,638**	**2,676**
Vốn chủ sở hữu	**2,566**	**2,604**	**2,611**	**2,638**	**2,676**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	1,951	1,951	1,951
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)